

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 273/ 2017/HNGĐ- ST
Ngày 11/9/2017
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Minh;
2. Ông Lương Văn Hịa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên .

Ngày 11/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2017/TLST – HNGĐ ngày 30/6/2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXX - ST ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị X – Sinh năm 1991. (có mặt).

Trú tại: Đội 9A, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
Nơi ĐKKHKT: Đội 9A, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn T – Sinh năm 1990.(Xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Đội 9A, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
(Hiện nay đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý Hành chính bắt buộc tại đội 2, khu sản xuất Việt Trì, thuộc cơ sở giáo dục Thanh Hà, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

NHẬN THẤY:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/6/2017 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Lò Thị X (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn từ năm 2013, tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện; Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy. Sau này anh T bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý Hành chính đưa vào cơ sở giáo dục thời gian là 20 tháng, hiện nay đang chấp hành tại cơ sở giáo dục Thanh Hà, Việt Trì, Phú Thọ.

Tôi thấy, tình cảm giữa tôi và anh T không còn, nên tôi làm đơn này xin đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung:*

Chị X và anh T đều khai có 01 con chung:

Cháu Lò Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với ông bà nội tại đội 9A, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng nương, nợ phải trả, nợ lấy về: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Lò Văn T (bị đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và cô X lấy nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này mới nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do tôi đưa đòi bạn bè và đã nghiện ma túy. Hiện nay, tôi đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý Hành chính bắt buộc tại đội 2, khu sản xuất Việt Trì, phường Bến Góc, Việt Trì, Phú Thọ. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn và cô X xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. *Về con chung:* Anh T công nhận vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lò Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2013. Tôi đồng ý để cô X nuôi cháu theo nguyện vọng của cô X.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về hôn nhân:* Chị X và anh T lấy nhau, có đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau và đặc biệt là do anh T nghiện ma túy. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Chị X thấy mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, xác định tình cảm của mình đối với anh T không còn. Chị X xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. *Về con chung:* Có 01 con chung là cháu Lò Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2013. Chị X có nguyện vọng được nuôi con, anh T cũng đồng ý theo yêu cầu của chị X. Nên HĐXX chấp nhận để cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị X đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai số 0002590 ngày 30/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị X được ly hôn với anh Lò Văn T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị X, giao con chung là cháu Lò Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2013 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- *Về Tài sản*: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị X đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai số 0002590 ngày 30/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- UBND xã L;
- Các đ-ơng sự;
- L- u

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lường Văn Lương

